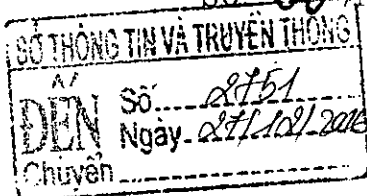


HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH LAI CHÂU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 10 tháng 12 năm 2016



**NGHỊ QUYẾT**

**Kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước  
năm 2017, tỉnh Lai Châu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU  
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-TTg ngày 29/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Sau khi xem xét Báo cáo số 323/BC-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch vốn Đầu tư công năm 2016 và phân bổ kế hoạch vốn năm 2017; Tờ trình số 2316/TTr-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2017; Báo cáo thẩm tra số 510/BC-HĐND ngày 02/12/2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn NSNN năm 2017 tỉnh Lai Châu như sau:

**1. Nguyên tắc phân bổ vốn**

Căn cứ nhu cầu và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công năm 2017, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án theo nguyên tắc:

(1) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải đảm bảo phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển theo

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(2) Việc phân bổ vốn tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

(3) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật; phù hợp với kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020, gắn với quá trình tái cơ cấu đầu tư công.

(4) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác theo từng ngành, lĩnh vực và địa phương; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

(5) Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

(6) Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

(7) Mức vốn bố trí cho từng dự án:

- Đối với các dự án hoàn thành đã bàn giao đưa vào sử dụng, các dự án đã quyết toán bố trí đủ kế hoạch vốn cho từng dự án theo số đã quyết toán hoặc khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu, nhưng không vượt quá tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các dự án dở dang và các dự án khởi công mới, thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong từng dự án thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư; mức vốn kế hoạch bố trí cho từng dự án không vượt quá 90% tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(8) Thứ tự ưu tiên bố trí vốn:

- Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2014, nhưng đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí nguồn để thanh toán.

- Thu hồi các khoản ứng trước đến năm 2016 chưa bố trí nguồn để thu hồi.

- Bố trí đủ vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo dự kiến kế hoạch trung hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020.

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các dự án nêu trên, nếu còn vốn mới xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư trước 31/10/2016.

Đối với dự án khởi công mới: Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các Đề án, Nghị quyết của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Chương trình, Kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phải lựa chọn những dự án thật sự cấp thiết, giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực và chương trình.

Riêng nguồn vốn ngân sách địa phương, ngoài các nguyên tắc nêu trên, phải thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Trả nợ các khoản vay đến hạn phải trả;

- Bố trí cho lĩnh vực Khoa học - Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo đảm bảo không thấp hơn mức vốn Trung ương giao.

- Bổ sung, cân đối ngân sách các huyện, thành phố theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020.

- Vốn thu sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết: Thực hiện theo Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

## **2. Tổng nguồn vốn và phương án phân bổ:**

Tổng nguồn vốn đầu tư Kế hoạch năm 2017 là **1.367.138** triệu đồng, phương án phân bổ cụ thể như sau:

### **2.1. Nguồn vốn Ngân sách địa phương: 706.920 triệu đồng.**

a) *Vốn Trung ương cân đối theo thời kỳ ổn định: 475.920 triệu đồng.*

- Chi trả nợ lãi các khoản vay của chính quyền địa phương: 300 triệu đồng.

- Lĩnh vực Khoa học - Công nghệ: 24.105 triệu đồng.

- Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo: 116.000 triệu đồng (*Trong đó: NS tỉnh 100.000 triệu đồng; NS huyện, thành phố 16.000 triệu đồng*).

- Phần vốn còn lại là: 335.515 triệu đồng (Phân bổ Ngân sách cấp huyện 30%, cấp tỉnh 70%), cụ thể:

+ Cân đối ngân sách huyện, thành phố theo tiêu chí, định mức: 105.453 triệu đồng. (Trong đó: *Bố trí cho lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo: 16.000 triệu đồng*).

+ Ngân sách tỉnh: 246.062 triệu đồng.

b) *Chi trả nợ gốc từ bội thu ngân sách địa phương: 133.700 triệu đồng.*

c) *Vốn thu xổ số kiến thiết: 25.000 triệu đồng.*

d) *Nguồn vốn thu sử dụng đất: 72.300 triệu đồng.*

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**2.2. Nguồn vốn đầu tư hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (vốn trong nước): 302.542 triệu đồng, vốn nước ngoài (ODA): 27.144 triệu đồng, vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 330.532 triệu đồng** Giao UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh phân bổ chi tiết sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 2.** Trong thời gian giữa hai kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của UBND tỉnh (nếu có) và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Hoàn**

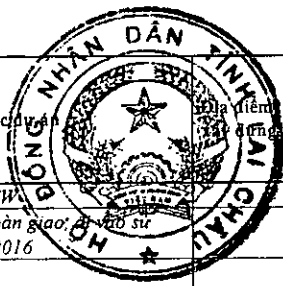


**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017**  
(Kèm theo Nghị quyết số 6/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch NSDP năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
<b>TỔNG SỐ</b>							<b>2.258.237</b>	<b>706.920</b>	
<b>I</b>	<b>Trung ương cân đối theo thời kỳ ổn định</b>					<b>2.198.337</b>	<b>475.920</b>		
<b>I.1</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản vay của chính quyền địa phương</b>						<b>300</b>		
<b>1</b>	<b>Trả vay vốn tín dụng ưu đãi</b>						<b>300</b>		
<b>I.2</b>	<b>Cân đối ngân sách huyện, thành phố</b>						<b>105.453</b>		
<b>I.4.1</b>	<b>Thành phố Lai Châu</b>						<b>13.004</b>	<b>UBND TP Lai Châu</b>	
	<i>Trong đó bố trí tối thiểu cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>						<b>2.000</b>		
<b>I.4.2</b>	<b>Huyện Tam Đường</b>						<b>10.272</b>	<b>UBND huyện Tam Đường</b>	
	<i>Trong đó bố trí tối thiểu cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>						<b>2.000</b>		
<b>I.4.3</b>	<b>Huyện Phong Thổ</b>						<b>15.627</b>	<b>UBND huyện Phong Thổ</b>	
	<i>Trong đó bố trí tối thiểu cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>						<b>2.000</b>		
<b>I.4.4</b>	<b>Huyện Sin Hồ</b>						<b>16.173</b>	<b>UBND huyện Sin Hồ</b>	
	<i>Trong đó bố trí tối thiểu cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>						<b>2.000</b>		
<b>I.4.5</b>	<b>Huyện Mường Tè</b>						<b>14.206</b>	<b>UBND huyện Mường Tè</b>	
	<i>Trong đó bố trí tối thiểu cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>						<b>2.000</b>		
<b>I.4.6</b>	<b>Huyện Than Uyên</b>						<b>15.080</b>	<b>UBND huyện Than Uyên</b>	
	<i>Trong đó bố trí tối thiểu cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>						<b>2.000</b>		
<b>I.4.7</b>	<b>Huyện Tân Uyên</b>						<b>9.835</b>	<b>UBND huyện Tân Uyên</b>	
	<i>Trong đó bố trí tối thiểu cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>						<b>2.000</b>		
<b>I.4.8</b>	<b>Huyện Nậm Nhùn</b>						<b>11.256</b>	<b>UBND huyện Nậm Nhùn</b>	
	<i>Trong đó bố trí tối thiểu cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>						<b>2.000</b>		
<b>I.2</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học công nghệ</b>					<b>76.500</b>	<b>24.105</b>		
<b>a</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</b>					<b>76.500</b>	<b>24.105</b>		
<b>1</b>	Nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tỉnh Lai Châu	Tam Đường		2014-2018	1301/30.10.13	39.500	6.000	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp	
<b>2</b>	Mua sắm thiết bị nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu		2016-2018	29/30.3.16	37.000	18.105	Sở Khoa học và Công nghệ	
<b>I.3</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục đào tạo</b>					<b>279.430</b>	<b>100.000</b>		
<b>a</b>	<b>Các dự án đã phê duyệt quyết toán</b>						<b>2.255</b>		Có biểu chi tiết kèm theo
<b>b</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2016</b>						<b>53.750</b>	<b>1.429</b>	
<b>1</b>	Trường tiểu học xã Khun Há, huyện Tam Đường	Tam Đường	12 phòng	2014-2016	1319a/24.10.14	14.250	334	UBND huyện Tam Đường	
<b>2</b>	Trường mầm non Quyết Thắng 2 (Giai đoạn II), thành phố Lai Châu	TP Lai Châu		2015-2016	1365/28.10.14	9.500	617	UBND TP Lai Châu	
<b>3</b>	Trường dạy nghề giai đoạn III	TP Lai Châu		2011-2015	605/19.5.10	30.000	478	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp	
<b>c</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017</b>					<b>78.580</b>	<b>23.574</b>		
<b>1</b>	Trường mầm non trung tâm xã Trung Chải	Nậm Nhùn	03 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà công vụ	2015-2017	1364/28.10.14	13.500	2.625	UBND huyện Nậm Nhùn	
<b>2</b>	Trường THCS xã Tá Ba huyện Mường Tè	Mường Tè	08 phòng học, nhà hiệu bộ	2015-2017	1366/28.10.14	13.280	3.004	UBND huyện Mường Tè	
<b>3</b>	Trường THCS xã Nậm Pi huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn	08 phòng học, nhà hiệu bộ	2015-2017	1363/28.10.14	17.000	4.006	UBND huyện Nậm Nhùn	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch NSDP năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
4	Trường mầm non trung tâm xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường	Tam Đường		2015-2017	1367/28.10.14	13.400	2.839	UBND huyện Tam Đường		
5	Nhà lớp học bộ môn, các hạng mục phụ trợ Trường PTDTNT huyện Than Uyên	Than Uyên	06p bộ môn, 3p chức năng + phụ trợ	2015-2016	1340/27.10.14	9.200	4.600	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp		
6	Nhà lớp học bộ môn, các hạng mục phụ trợ Trường PTDTNT huyện Phong Thổ	Phong Thổ	06p bộ môn, 3p chức năng, 06 p CV + phụ trợ	2015-2016	1361/28.10.14	12.200	6.500	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp		
<i>d</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau 2017</i>						147.100	42.370		
1	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	Tân Uyên	7 phòng bộ môn + nhà đa năng + phụ trợ	2016-2018	3730.3.16	19.000	8.170	UBND huyện Tân Uyên		
2	Trường mầm non Hoa Hồng thành phố Lai Châu	TP Lai Châu	10 phòng học, phụ trợ	2016-2018	3430.3.16	17.800	7.660	UBND TP Lai Châu		
3	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trung Chải	Nậm Nhùn	08 phòng	2016-2018	4130.3.16	17.000	7.330	UBND huyện Nậm Nhùn		
4	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Khun Há	Tam Đường	6p học + 15p bán trú + phụ trợ	2016-2018	3830.3.16	13.800	5.960	UBND huyện Tam Đường		
5	Nhà lớp học bộ môn trường PTDTNT Sin Hồ	Sin Hồ	750m2 sàn	2016-2018	1930.3.16	7.500	3.250	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp		
6	Nhà ở dành cho học sinh người đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	1400 SV	2014-2018	1129/17.9.14	72.000	10.000	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp		
<i>e</i>	<i>Các dự án khởi công mới năm 2017</i>							30.372		Có biểu chi tiết kèm theo
<b>1.5</b>	<b>Các dự án khác do tỉnh quản lý</b>						1.842.407	246.062		
<b>1.5.1</b>	<b>Các dự án đã phê duyệt quyết toán</b>							20.926		Có biểu chi tiết kèm theo
<b>1.5.2</b>	<b>Các dự án sử dụng nguồn NSDP</b>						649.790	47.440		
<i>a</i>	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2016</i>						14.990	3.750		
1	Đường nối từ đường Thân Thuộc - Nậm Cắn - Nậm Sỏ - Noong Hèo đến đường Noong Hèo - Nậm Coóng - Nậm Cuối, huyện Sin Hồ	Sin Hồ	5,34 km, Bnt	2014-2016	988/21/8/2014	14.990	3.750	UBND huyện Sin Hồ		
<i>b</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017</i>						135.600	16.135		
1	Đường Thèn Thầu xã Khun Há - Nậm Cung xã Mường Khoa	Tam Đường		2015-2017	1393/29.10.14	35.100	5.334	UBND huyện Tam Đường		
2	Kè suối Nậm Bắc, thị trấn Nậm Nhùn	Nậm Nhùn		2016-2017	423.3.16	14.500	7.651	UBND huyện Nậm Nhùn		
3	Kiên cố hóa kênh mương cánh đồng Bình Lư và cánh đồng Nà Tâm huyện Tam Đường	Tam Đường	512ha		1279/25.10.12	86.000	3.150	UBND huyện Tam Đường		
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau 2017</i>						499.200	27.555		
1	Trụ sở xã Tả Bạ	Mường Tè		2016-2018	3030.3.16	7.800	2.555	UBND huyện Mường Tè		
2	Đường giao thông nông thôn từ Km43 Mường Mò đến Nậm Chá	Nậm Nhùn	32,5 km	2013-2017	1231/25.10.12	190.000	15.000	UBND huyện Nậm Nhùn		
3	Nâng cấp, cải tạo đường Đáo San - Si Lờ Lầu (Đoạn Si Lờ Lầu - Mỏ Si San)	Phong Thổ	43 km		293/203/06, 1376/28.10.10	301.400	10.000	UBND huyện Phong Thổ		
<b>1.5.3</b>	<b>Đối ứng các dự án ODA</b>						713.891	15.806		
<i>a</i>	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2016</i>						244.752	9.682		
1	Đường trung tâm xã Bản Giang đến xã Nùng Nàng	Tam Đường	11,7 km	2013-2015	178/17.02.12; 612/23.6.15	41.187	2.835	UBND huyện Tam Đường		
2	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc	Sin Hồ, Phong Thổ, Tam Đường		2011-2016	1029/19.5.11; 3570/15.8.14	203.565	6.847	Sở Nông nghiệp và PTNT		
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>						469.139	6.124		
1	Dự án giảm nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc giai đoạn 2 - Khoản vay bổ sung (2015-2018) tỉnh Lai Châu	Các huyện		2015-2018	1772/30.12.14	269.139	1.124	Ban QLDA giảm nghèo tỉnh và các huyện		
2	Trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn và kết hợp xây dựng CSHT đồng bộ phòng chống lũ, sạt lở đất gia tăng trong bối cảnh biến đổi khí hậu, bảo vệ dân cư một số khu vực trọng điểm huyện Sin Hồ	Sin Hồ		2015-2019	869/12.8.15	200.000	5.000	UBND huyện Sin Hồ		



STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Năng lực thiết kế	KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch NSDP năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
I.5.4	Các dự án đổi ứng NSTW						216.326	2.834		
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2016						216.326	2.834		
1	Cấp nước thị xã Lai Châu	TP Lai Châu		2009-2014	1003/18.7.08; 713/14.6.09; 1173/16.10.11 862/09.8.13; 488/21.5.14		130.000	1.000	Công ty TNHH Cấp nước Lai Châu	
2	Trung tâm lưu trữ tỉnh	TP Lai Châu	3525m2	2013-2016	1281/25.10.12		56.326	570	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp	
3	Nâng cấp, sửa chữa Phòng khám đa khoa khu vực Mường So, huyện Phong Thổ	Phong Thổ		2015-2016	1351/28.10.14		8.000	334	UBND huyện Phong Thổ	
4	Phòng khám đa khoa khu vực Ka Lăng, huyện Mường Tè	Mường Tè		2015-2016	1352/28.10.14		11.000	487	UBND huyện Mường Tè	
5	Hạ tầng kỹ thuật, đường đến khu sinh thái và quần thể hang động Pu Sam Cáp	T. x Lai Châu		2015-2017	1423/30.10.14		11.000	443	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp	
I.5.5	Đổi ứng chương trình hỗ trợ chính sách ngành y tế do EU hỗ trợ						13.000	1.311		
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2016						13.000	1.311		
1	Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu			2015-2016	1613/31.12.15		13.000	1.311	Sở Y tế	
I.5.6	Các dự án chuyển từ chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW sang sử dụng nguồn NSDP						249.400	34.002		
a	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt - Trung						151.000	22.171		
a.1	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2016						34.000	1.753		
1	Bổ trí dân cư tập trung sát biên giới điểm Hua Páng mới, điểm Năm Chè xã Năm Ban, huyện Năm Nhùn	Năm Nhùn	78 hộ	2014-2016	1373/31.10.13		34.000	1.753	UBND huyện Năm Nhùn	Bổ sung NS huyện
a.2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017						117.000	20.418		
1	Bổ trí sắp xếp dân cư ban Phu Xuy xã Hua Bum	Năm Nhùn	31 hộ	2015-2017	1355/28.10.14		23.500	5.135	UBND huyện Năm Nhùn	Bổ sung NS huyện
2	Đường giao thông đến bản Nhóm Pó xã Tà Bạ	Mường Tè	50 hộ	2015-2019	1395/29.10.14		66.500	7.971	UBND huyện Mường Tè	
3	Sắp xếp ổn định dân cư xã biên giới ban Mu Su - Mu Cà	Mường Tè	35 hộ	2015-2017	1354/28.10.14		27.000	7.312	UBND huyện Mường Tè	Bổ sung NS huyện
b	Hỗ trợ 03 dân tộc La Hủ, Máng, Cống (Theo QĐ 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ)						31.400	6.260		Bổ sung NS huyện
b.1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017						31.400	6.260		
1	Đường giao thông đến bản Nậm Tân Xá	Sin Hồ	10 km	2015-2017	1396/29.10.14		31.400	6.260	UBND huyện Sin Hồ	
c	Sắp xếp ổn định dân cư 02 xã Mu Cà, Tà Tông huyện Mường Tè						67.000	5.571		Bổ sung NS huyện
c.1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017						67.000	5.571		
1	Đường giao thông đến điểm ĐCĐC Năm Kha Á (Tia Sùng Cái) xã Tà Tông	xã Tà Tông	1,5 km	2015-2017	1332/27.10.14		35.000	1.271	UBND huyện Mường Tè	
2	Đường giao thông Cao Chải đến điểm ĐCĐC Tia Ma Mù xã Tà Tông	xã Tà Tông	10 km	2015-2017	1330/27.10.14		32.000	4.300	UBND huyện Mường Tè	
I.5.7	Các dự án khởi công mới năm 2017							123.743		Có biểu chi tiết kèm theo
II	Chi trả nợ gốc từ bội thu ngân sách địa phương							133.700		
III	Vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT						59.900	25.000		
I	Thành phố Lai Châu						6.000	3.000		
a	Các dự án hoàn thành năm 2017						6.000	275		
2	Trạm y tế phường Đông Phong	TP Lai Châu		2015-2017	1437/31.10.14		6.000	275	UBND TP Lai Châu	
b	Dự án khởi công mới 2017							2.725		Có biểu chi tiết kèm theo
2	Huyện Tam Đường						5.000	3.000		
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017						5.000	1.820		
1	Trạm Y tế xã Giang Ma, huyện Tam Đường	Tam Đường	12 P chức năng + phụ trợ	2016-2018			5.000	1.820	UBND huyện Tam Đường	
b	Dự án khởi công mới 2017							1.180		Có biểu chi tiết kèm theo
3	Huyện Phong Thổ						8.500	3.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch NSDP năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
a	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>									
1	Trường mầm non xã Lân Nhi Thăng	Phong Thổ	12 P chức năng + phụ	2016-2018	35/30.3.16	8.500	3.000	UBND huyện Phong Thổ		
4	<i>Huyện Sin Hồ</i>									
	<i>Dự án khởi công mới 2017</i>									
5	<i>Huyện Mường Tè</i>									
	<i>Dự án khởi công mới 2017</i>									
6	<i>Huyện Than Uyên</i>									
a	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017</i>									
1	Trường tiểu học số 1 Mường Kim (điểm trung tâm)	Than Uyên	8 phòng	2016-2018	32/30.3.16	5.800	540	UBND huyện Than Uyên		
b	<i>Dự án khởi công mới 2017</i>									
7	<i>Huyện Tân Uyên</i>									
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>									
1	Trường mầm non số 1 thị trấn Tân Uyên	Tân Uyên	8 phòng + hiệu bộ + phụ vụ	2016-2018	36/30.3.16	14.000	3.000	UBND huyện Tân Uyên		
8	<i>Huyện Năm Nhùn</i>									
a	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017</i>									
1	Trạm y tế xã Trung Chải	Năm Nhùn		2015-2017	1434/31.10.14	6.500	409	UBND huyện Năm Nhùn		
2	Trạm y tế xã Năm Chá	Năm Nhùn		2015-2017	1436/31.10.14	6.600	1.241	UBND huyện Năm Nhùn		
3	Trạm y tế xã Năm Ban	Năm Nhùn		2015-2017	1435/31.10.14	7.500	1.350	UBND huyện Năm Nhùn		
9	<i>Ngân sách tỉnh</i>									
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017</i>									
1	Trạm y tế xã Năm Ban	Năm Nhùn		2015-2017	1435/31.10.14		1.000	UBND huyện Năm Nhùn		
IV	<i>Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</i>									
1	Thành phố Lai Châu	TP Lai Châu					21.000	UBND TP Lai Châu		
2	Huyện Tam Đường	Tam Đường					3.500	UBND huyện Tam Đường		
3	Huyện Phong Thổ	Phong Thổ					1.750	UBND huyện Phong Thổ		
4	Huyện Sin Hồ	Sin Hồ					560	UBND huyện Sin Hồ		
5	Huyện Mường Tè	Mường Tè					7.000	UBND huyện Mường Tè		
6	Huyện Than Uyên	Than Uyên					3.500	UBND huyện Than Uyên		
7	Huyện Tân Uyên	Tân Uyên					9.800	UBND huyện Tân Uyên		
8	Huyện Năm Nhùn	Năm Nhùn					3.500	UBND huyện Năm Nhùn		
9	<i>Ngân sách tỉnh</i>									
							21.690			





ĐỀ AN KHỞI CÔNG MỚI NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

66 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Địa điểm xây dựng	Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó NSDP			
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>2.191.871</b>	<b>1.350.347</b>	<b>166.480</b>		
<b>A</b>	<b>Trung ương cân đối theo thời kỳ ổn định</b>		<b>2.153.871</b>	<b>1.312.347</b>	<b>154.115</b>		
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>		<b>183.550</b>	<b>168.550</b>	<b>30.372</b>		
1	Trường THCS xã Phúc Than huyện Than Uyên	Than Uyên	97/28.10.16	8.000	8.000	1.333	Ban QLDA ĐTXD huyện Than Uyên
2	Trường THCS số 1 Mường Kim (điểm bán Ngã Ba) huyện Than Uyên	Than Uyên	98/28.10.16	5.600	5.600	928	Ban QLDA ĐTXD huyện Than Uyên
3	Trường PTDTBT Tiểu học xã Nậm Cắn huyện Tân Uyên	Tân Uyên	99/28.10.16	14.950	14.950	2.478	Ban QLDA xây dựng cơ bản và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên
4	Trường Mầm non xã Hồ Mít huyện Tân Uyên	Tân Uyên	100/28.10.16	8.000	8.000	1.326	Ban QLDA xây dựng cơ bản và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên
5	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non xã Bàn Bò, huyện Tam Đường	Tam Đường	101/28.10.16	7.500	7.500	1.243	Ban QLDA huyện Tam Đường
6	Trường mầm non Nậm Loàng Thành phố Lai Châu	TP Lai Châu	103/28.10.16	14.500	14.500	2.403	Ban QLDA TP Lai Châu
7	Trường PTDTBT THCS xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ	Phong Thổ	105/28.10.16	8.000	8.000	1.326	Ban QLDA huyện Phong Thổ
8	Trường PTDT BT THCS xã Đào San huyện Phong Thổ	Phong Thổ	106/28.10.16	10.000	10.000	1.657	Ban QLDA huyện Phong Thổ
9	Nhà lớp học trường PTDTBT THCS xã Lũng Thàng huyện Sin Hồ	Sin Hồ	107/28.10.16	10.000	10.000	1.657	Ban QLDA ĐTXD huyện Sin Hồ
10	Trường mầm non xã Nậm Hần, huyện Sin Hồ	Sin Hồ	108/28.10.16	9.500	9.500	1.574	Ban QLDA ĐTXD huyện Sin Hồ
11	Trường PTDT bán trú THCS xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn	109/28.10.16	15.500	15.500	2.569	Ban QLDA các công trình XDCB huyện Nậm Nhùn
12	Trường Tiểu học số 1 xã Mù Cạ huyện Mường Tè	Mường Tè	110/28.10.16	6.000	6.000	994	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè
13	Trường Mầm non số 1 xã Tả Tổng huyện Mường Tè	Mường Tè	111/28.10.16	12.000	12.000	1.989	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè
14	Nhà Hiệu bộ Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	112/28.10.16	9.000	9.000	5.000	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh Lai Châu
15	Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	146/31.10.16	45.000	30.000	3.895	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh Lai Châu
<b>II</b>	<b>Các dự án khác do tỉnh quản lý</b>		<b>1.970.321</b>	<b>1.143.797</b>	<b>123.743</b>		
<b>a</b>	<b>Các dự án nguồn NSDP đã được giao chuẩn bị đầu tư (Đã giao chuẩn bị đầu tư tại QĐ 1172/QĐ-UBND ngày 8/9/2016)</b>		<b>273.076</b>	<b>233.076</b>	<b>39.335</b>		
1	Nâng cấp Báo điện tử tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	127/28.10.16	2.196	2.196	1.098	Báo Lai Châu
2	Đường giao thông đến điểm ĐCĐC Pá Khà xã Tả Tổng huyện Mường Tè	Mường Tè	124/28.10.16	3.500	3.500	1.050	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè
3	Trạm y tế xã Mường Than huyện Than Uyên	Than Uyên	113/28.10.16	4.000	4.000	1.200	Ban QLDA ĐTXD huyện Than Uyên
4	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn	114/28.10.16	5.500	5.500	2.750	Sở Y tế
5	Trụ sở Thị trấn huyện Mường Tè	Mường Tè	123/28.10.16	5.800	5.800	1.740	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè
6	Nhà công vụ tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	125/28.10.16	14.900	14.900	5.000	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh Lai Châu
7	Trụ sở làm việc Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	TP Lai Châu	126/28.10.16	14.900	14.900	5.000	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh Lai Châu
8	Cầu treo nối bản Nà Cà xã Bình Lư và bản Nà Tâm 2 xã Nà Tâm huyện Tam Đường	Tam Đường	117/28.10.16	9.500	9.500	959	Ban QLDA huyện Tam Đường
9	Đường Giao thông bản Pá Chí Tấu đi Hua Chít xã Tả Hừa huyện Than Uyên	Than Uyên	115/28.10.16	10.000	10.000	1.010	Ban QLDA ĐTXD huyện Than Uyên
10	Cơ sở làm việc Đồn Công an Nậm Ngà, thuộc Công An huyện Mường Tè	Mường Tè	128/28.10.16	10.000	10.000	4.088	Công an tỉnh
11	Cầu Bê tông bản Nà Cúng xã Bản Lang huyện Phong Thổ	Phong Thổ	118/28.10.16	13.000	13.000	1.313	Ban QLDA huyện Phong Thổ
12	Đường giao thông vào bản Tả Cu Tý xã Giang Ma huyện Tam Đường	Tam Đường	116/28.10.16	14.500	14.500	1.465	Ban QLDA huyện Tam Đường
13	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng tỉnh Lai Châu	Lai Châu	129/28.10.16	17.280	17.280	1.746	Văn phòng Tỉnh ủy
14	Đường Năm Khâm - Háng Lía 2 - Háng Lía 1 huyện Sin Hồ	Sin Hồ	120/28.10.16	20.000	10.000	1.010	Ban QLDA ĐTXD huyện Sin Hồ
15	Tuyến giao thông đến điểm ĐCĐC Mù Su xã Mù Cạ huyện Mường Tè	Mường Tè	122/28.10.16	18.000	18.000	1.818	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè
16	Đường Lũng Thàng - Nậm Lúc 1 - Nậm Lúc 2 huyện Sin Hồ	Sin Hồ	119/28.10.16	20.000	20.000	2.020	Ban QLDA ĐTXD huyện Sin Hồ
17	Đường liên xã Sùng Phái - Thên Sin huyện Tam Đường	Tam Đường	130/28.10.16	25.000	25.000	2.526	Ban QLDA huyện Tam Đường

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó NSDP			
18	Đường GTNT đến bản mới chia tách Năm Tăng, Năm Cười huyện Năm Nhùn	Năm Nhùn	121/28.10.16	30.000	15.000	1.515	Ban QLDA các công trình XDDB huyện Năm Nhùn	
19	Đường Nà Ngò - Hua Ngò - Nà Lào xã Năm Sỏ huyện Tân Uyên	Tân Uyên	131/28.10.16	35.000	20.000	2.027	Ban QLDA xây dựng cơ bản và HTBT đi dân TĐC huyện Tân Uyên	
<b>b</b>	Hỗ trợ đầu tư hệ thống đường nội đồng sản xuất trong vùng chè (Đã giao chuẩn bị đầu tư tại QĐ 1172/QĐ-UBND ngày 8/9/2016)			132.245	119.021	30.408		Bổ sung NS huyện, thành phố
1	Huyện Tam Đường			19.760	17.784	4.575		
2	Huyện Tân Uyên			49.985	44.987	12.000		
3	Huyện Than Uyên			27.500	24.750	7.000		
4	Huyện Sin Hồ			27.500	24.750	4.883		
5	TP Lai Châu			7.500	6.750	1.950		
<b>c</b>	Các dự án đối ứng ODA, đối ứng NSTW và đối ứng các dự án sử dụng nguồn vốn khác KCM trong giai đoạn 2016-2020 cần đối ứng bằng NSDP UBND tỉnh đã có cam kết			174.000	20.700	4.000		
1	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới	Các huyện trong tỉnh		147.000	14.700	1.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	
2	Nhà thi đấu TDTT Liên đoàn lao động tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	1718/QĐ-TLĐ ngày 25/10/16	25.000	4.000	1.000	Liên đoàn lao động tỉnh	
3	Chi phí GPMB thực hiện dự án xử lý điểm đen tại Km38+500/QL4D tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu		2.000	2.000	2.000	UBND Thành phố Lai Châu	
<b>d</b>	Các dự án dự kiến sử dụng nguồn ngân sách trung ương nhưng không cần đối ứng vốn dự kiến sử dụng nguồn NSDP để khởi công mới			1.391.000	771.000	50.000		
1	Trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND, UBND; Trung tâm hội nghị văn hóa huyện Năm Nhùn	Năm Nhùn	139/31.10.16	120.000	60.000	3.900	Ban QLDA các công trình XDDB huyện Năm Nhùn	
2	Đường quảng trường và Hạ tầng kỹ thuật khu giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ và dân cư thị trấn Năm Nhùn (giai đoạn II), huyện Năm Nhùn	Năm Nhùn	141/31.10.16	200.000	100.000	6.500	Ban QLDA các công trình XDDB huyện Năm Nhùn và Ban QLDA chuyên ngành Giao thông	
3	Tuyến kè chống xói, bờ bảo vệ bờ sông biên giới khu vực mốc 18(2) đến mốc 19, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	Mường Tè	142/31.10.16	150.000	90.000	5.850	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	
4	Nâng cấp Đường Năm Xe - Sin Sủi Hồ, huyện Phong Thổ	Phong Thổ	134/31.10.16	100.000	50.000	3.250	Ban QLDA huyện Phong Thổ	
5	Đường Trung tâm xã Hồ Mít - Suối Linh A- Bàn Lầu - Bàn Thảo A - Thảo B - Bàn K2 huyện Tân Uyên	Tân Uyên	136/31.10.16	100.000	50.000	3.250	Ban QLDA xây dựng cơ bản và HTBT đi dân TĐC huyện Tân Uyên	
6	Nâng cấp đường QL32 - Tré Bó - Sang Ngá - Bàn Mường huyện Than Uyên	Than Uyên	137/31.10.16	80.000	60.000	3.900	Ban QLDA ĐTXD huyện Than Uyên	
7	Hạ tầng thiết yếu của các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung		143/31.10.16	65.000	26.000	1.690	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	Hệ thống thoát nước thành phố Lai Châu	TP Lai Châu	135/31.10.16	90.000	70.000	4.550	Ban QLDA TP Lai Châu	
9	Đường Hồ Thầu - Bình Lư huyện Tam Đường	Tam Đường	138/31.10.16	115.000	70.000	4.550	Ban QLDA huyện Tam Đường	
10	Đường Tả Phìn - Xả Dề Phìn; Nâng cấp đường Năm Cuối - Hua Cuối - Năm Cọ Mông huyện Sin Hồ	Sin Hồ	140/31.10.16	100.000	70.000	4.550	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	
11	Hạ tầng khu du lịch cao nguyên Sin Hồ (giai đoạn I), huyện Sin Hồ	Sin Hồ	145/31.10.16	90.000	60.000	3.900	Ban QLDA ĐTXD huyện Sin Hồ	
12	Hạ tầng khu Khu kinh tế Cửa khẩu Ma Lù Thàng huyện Phong Thổ	Phong Thổ	144/31.10.16	81.000	20.000	1.300	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh Lai Châu	
13	Đường từ đôn, trạm biên phòng ra mốc quốc giới phục vụ cho việc tuần tra bảo vệ mốc, huyện Phong Thổ	Phong Thổ	147/31.10.16	100.000	45.000	2.810	BCH BĐBP tỉnh	
<b>B</b>	Nguồn thu xổ số kiến thiết			38.000	38.000	12.365		
1	Trạm y tế thị trấn Sin Hồ	Sin Hồ	132/28.10.16	5.500	5.500	3.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Sin Hồ	
2	Tu sửa, nâng cấp các trạm y tế xã huyện Mường Tè	Mường Tè	133/28.10.16	3.500	3.500	3.000	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	
3	Trường PTDT bán trú tiểu học số 2 xã Phúc Than (điểm trung tâm) huyện Than Uyên	Than Uyên	96/28.10.16	5.500	5.500	2.460	Ban QLDA ĐTXD huyện Than Uyên	
4	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non xã Giang Ma, huyện Tam Đường	Tam Đường	102/28.10.16	8.000	8.000	1.180	Ban QLDA huyện Tam Đường	
5	Trường Mầm non Đông Phong Thành phố Lai Châu	TP Lai Châu	104/28.10.16	15.500	15.500	2.725	Ban QLDA TP Lai Châu	

**QUYẾT ĐỊNH AN QUYẾT TOÁN NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017**  
 (Kèm theo Nghị quyết số **66/NQ-HĐND** ngày **10** tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)  
 ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục các dự án	Kế hoạch năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>23.180,683</b>		
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>2.254,859</b>		
1	Trường THCS thị trấn huyện Tam Đường	18,640	UBND huyện Tam Đường	
2	Trường tiểu học số 2 thị trấn Mường Tè huyện Mường Tè	1.150,342	UBND huyện Mường Tè	
3	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Sin Hồ	893,309	Sở Giáo dục và đào tạo	
4	Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Lai Châu (giai đoạn II)	8,796	Sở Giáo dục và đào tạo	
5	Trường THCS Nậm Hàng, huyện Mường Tè (Nay là huyện Nậm Nhùn), tỉnh Lai Châu	15,000	Sở Giáo dục và đào tạo	
6	Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Mường Tè	112,909	UBND huyện Mường Tè	
7	Nhà lớp học trường Tiểu học Quyết Thắng 2 thị xã Lai Châu	32,044	UBND thành phố Lai Châu	
8	Trường THPT số 3 Than Uyên- huyện Than Uyên- tỉnh Lai Châu	23,819	Sở Giáo dục và đào tạo	
<b>II</b>	<b>Các dự án khác</b>	<b>20.925,824</b>		
1	Tháo dỡ, thu hồi, lắp đặt mới đường điện 0,4KV, 35 KV, các trạm biến áp tại khu dân cư số 4, số 6, số 2 đến hồ thượng lưu	11,504	UBND TP Lai Châu	
2	Kè bảo vệ bờ suối Nậm Tâm, xã Nậm Tâm, huyện Sin Hồ	15,775	Ban QLDA chuyên ngành nông nghiệp	
3	Trụ sở làm việc khối kinh tế huyện Mường Tè	60,208	UBND huyện Mường Tè	
4	Đường giao thông đến bản Hua Pàng xã Nậm Ban, huyện Sin Hồ	113,767	UBND huyện Sin Hồ	
5	San gạt MB và HTKT khu 2B mở rộng thị xã Lai Châu	1.167,772	UBND TP Lai Châu	
6	Đường Tà Ghênh - Nậm Pây	23,212	UBND huyện Sin Hồ	
7	Sửa chữa sân vận động thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	728,065	Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch	
8	Cầu Co Cóc, huyện Sin Hồ	141,581	Ban QLDA BT di dân TĐC tỉnh	
9	Nhà ở công nhân cao su khu vực Nậm Chùng xã Chăn Nưa, Km 6 tỉnh lộ 128 xã Làng Mỏ, điểm bia Lê Lợi huyện Sin Hồ, điểm Nậm ty xã Nậm Hàng huyện Mường Tè	10,020	Công ty CP Cao Su Lai Châu II	
10	Nhà ở công nhân cao su tại các xã: Chăn nưa, Lê Lợi, Tả Phìn ( 6 nhà)	18,422	Công ty CP Cao Su Lai Châu II	
11	Thủy lợi Nậm Hay	6,590	UBND huyện Sin Hồ	
12	Bến xe khách huyện Sin Hồ	3,349	UBND huyện Sin Hồ	
13	Bãi chôn lấp rác thải thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ	66,957	UBND huyện Phong Thổ	
14	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vườn ươm SX giống cây Cao Su tại điểm Huổi Vai xã Chăn Nưa	21,337	Công ty CP Cao Su Lai Châu II	
15	Điện phục vụ sinh hoạt cho đội cao su Chăn Nưa 3,4, vườn ươm Huổi Vai xã Chăn Nưa	4,450	Công ty CP Cao Su Lai Châu II	
16	NSH đội cao su Chăn Nưa 2 tại Km6 tỉnh lộ 128	3,000	Công ty CP Cao Su Lai Châu II	
17	Điện phục vụ sinh hoạt cho đội cao su Chăn Nưa 1 huyện Sin Hồ	3,000	Công ty CP Cao Su Lai Châu II	
18	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 5 ( giai đoạn 1)	582,488	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh Lai Châu	
19	San gạt mặt bằng và Hạ tầng KT khu trung tâm hành chính thị xã Lai Châu	444,189	UBND TP Lai Châu	
20	Hạ tầng kỹ thuật khu nhà hàng khách sạn thị xã Lai Châu	175,979	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh Lai Châu	
21	Kênh thoát nước từ hồ hạ đến đường Nguyễn Hữu Thọ	46,267	UBND TP Lai Châu	
22	Rải áp phan đường Nguyễn Hữu Thọ thị xã Lai Châu	165,057	UBND TP Lai Châu	
23	Trụ sở làm việc các Sở, Ban, Ngành và Đoàn thể tỉnh Lai Châu	944,000	Sở Xây dựng	
24	San gạt MB và HTKT khu dân cư số 1 mở rộng bóm đường 58	5,073	UBND TP Lai Châu	
25	Đường và HTTN nội thị trung tâm thị trấn huyện Phong Thổ (giai đoạn 1)	179,650	UBND huyện Phong Thổ	
26	San gạt mặt bằng và HTKT khu dân cư số 4 giai đoạn 1 - thị xã Lai Châu	93,992	UBND TP Lai Châu	
27	Trụ sở hạt kiểm lâm thị xã Lai Châu	376,526	Hạt kiểm lâm thị xã	
28	Đường vành đai khu KTCK Ma Lò Thàng	29,146	Ban quản lý khu kinh tế của khẩu Ma Lò Thàng	

STT	Danh mục các dự án	Kế hoạch năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
29	Sân, đường khu trạm kiểm soát liên hợp Ma Lù Thàng	20,714	Ban quản lý khu kinh tế của khẩu Ma Lù Thàng	
30	Đường nối lên cổng chính cửa khẩu Ma Lù Thàng và quốc lộ 12	396,649	Ban quản lý khu kinh tế của khẩu Ma Lù Thàng	
31	Các trục đường và hệ thống thoát nước nội thị khu KTCK Ma Lù Thàng	80,453	Ban quản lý khu kinh tế của khẩu Ma Lù Thàng	
32	Kè chống sạt lở BVĐK huyện Mường Tè	460,367	UBND huyện Mường Tè	
33	Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư khu vực bờ suối Huổi Cuồng thị trấn huyện Mường Tè	65,212	UBND huyện Mường Tè	
34	Công viên hồ phía thượng lưu đường 60m - Phường Tân Phong - thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	131,553	UBND thành phố Lai Châu	
35	Trường THCS xã Nậm Sò, điểm trường Nà Ngò huyện Tân Uyên	38,000	UBND huyện Tân Uyên	
36	NSH bán Hồ Than xã Mường Than huyện Than Uyên	18,958	Sở Nông nghiệp và PTNT	
37	Sửa chữa, nâng cấp NSH bán Nà Vàn xã Nà Tăm	10,592	Sở Nông nghiệp và PTNT	
38	Sửa chữa, nâng cấp NSH bán Hua Pha xã Nậm Hần huyện Sìn Hồ	14,965	Sở Nông nghiệp và PTNT	
39	NSH bán Thảo B xã Hồ Mít	14,507	Sở Nông nghiệp và PTNT	
40	Cấp NSH bán Hồ Sao Chải	361,262	Sở Nông nghiệp và PTNT	
41	NSH bán Noong Kiêng thị trấn Nậm Nhùn; Mở rộng NSH điểm sắp xếp dân cư bán Loong Mới xã Nậm Pi	23,028	Sở Nông nghiệp và PTNT	
42	NSH bán Đâu Nậm Xá xã Bum Tờ	254,959	Sở Nông nghiệp và PTNT	
43	NSH bán Hồ Sao Chải xã Khổng Lào	261,262	Sở Nông nghiệp và PTNT	
44	Sửa chữa nâng cấp NSH bán Hồ Tra xã Mường Khoa	21,684	Sở Nông nghiệp và PTNT	
45	Cấp NSH bán sắp xếp dân cư bán Ngải Thầu thấp xã Khun Há, Tam Đường	113,743	Sở Nông nghiệp và PTNT	
46	Cấp NSH bán Ngải Thầu Cao, Thấp xã Khun Há, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	1,161	Trung tâm nước sạch & VSMT	
47	Xây dựng cơ sở hạ tầng dự án bảo vệ rừng phòng hộ rất xung yếu tại bán Nà Tăm 2,3 xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ	192,774	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	
48	Thủy lợi Nậm Múng 1 và hồ chứa nước Pa Khoá huyện Sìn Hồ	622,237	Ban QLDA chuyên ngành nông nghiệp	
49	Đường Pa Vệ Sừ - Sín Chải	4.000,000	UBND huyện Mường Tè	
50	Thủy lợi Chu Va 12.2 huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	639,072	Ban QLDA chuyên ngành nông nghiệp	
51	Bệnh viện đa khoa huyện Tam Đường	0,800	UBND huyện Tam Đường	
52	Hồ chứa nước Hoàng Hồ thị trấn huyện Sìn Hồ	7.740,496	Sở Nông nghiệp và PTNT	